

# ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I - MÔN GDCD LỚP 11

## Năm học 2022 – 2023

### I. NỘI DUNG ÔN TẬP

#### BÀI 1: CÔNG DÂN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

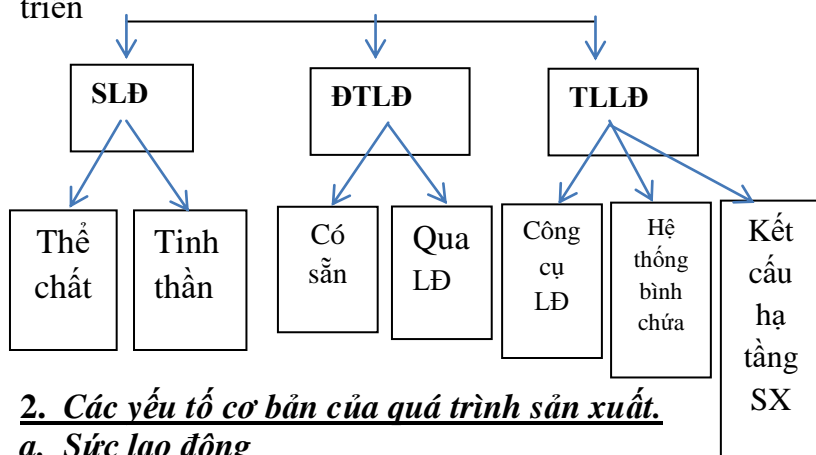
##### 1. Sản xuất của cải vật chất.

###### a. Khái niệm

Là sự tác động của con người vào tự nhiên, biến đổi các yếu tố của tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình.

###### b. Vai trò của sản xuất của cải vật chất

- Duy trì sự tồn tại của con người và xã hội loài người.
- Con người được cải tạo, phát triển và hoàn thiện cả về thể chất và tinh thần
- Hoạt động sản xuất là trung tâm, là tiền đề thúc đẩy các hoạt động khác của xã hội phát triển



##### 2. Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất.

###### a. Sức lao động

- SLĐ là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào quá trình sản xuất.
- Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người làm biến đổi những yếu tố của tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của con người.

###### b. Đối tượng lao động.

- Đối tượng lao động là những yếu tố của tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người.

###### - Có 2 loại đối tượng lao động :

- + Loại có sẵn trong tự nhiên → ngành CN khai thác
- + Loại đã trải qua tác động của lao động → CN chế biến

###### c. Tư liệu lao động

Tư liệu lao động là một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động, nhằm biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm thoả mãn nhu cầu của con người.

- Tư liệu lao động được chia thành 3 loại :

- + Công cụ lao động hay công cụ sản xuất như : cày, cuốc, máy móc .....
- + Hệ thống bình chứa của sản xuất như: ống, thùng, hộp ....
- + Kết cấu hạ tầng của sản xuất như : đường giao thông, bến cảng, nhà ga...

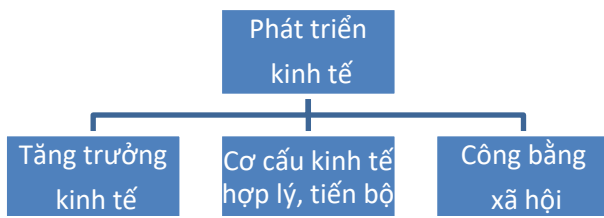
Ý nghĩa:

- Thường xuyên học tập, rèn luyện nâng cao chất lượng sức lao động.

- TLLĐ và ĐTLĐ đều bắt nguồn từ tự nhiên -> bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

##### 3. Phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội

## a. Phát triển kinh tế



\* Tăng trưởng kinh tế: là sự tăng lên về số lượng, chất lượng sản phẩm và các yếu tố của quá trình sản xuất ra nó.

### b. Ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

- **Đối với cá nhân:** Tạo điều kiện cho mỗi người nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển toàn diện cá nhân.

- **Đối với xã hội:**

+ Làm tăng thu nhập quốc dân và phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của cộng đồng được cải thiện.

+ Tạo điều kiện giải quyết các vấn đề an sinh xã hội.

## **BÀI 2: HÀNG HÓA – TIỀN TỆ - THỊ TRƯỜNG**

### **1. Hàng hóa**

#### a. Hàng hoá là gì?

- Hàng hoá là:

+ Sản phẩm do lao động làm ra

+ Có công dụng nhất định

+ Thông qua trao đổi, mua bán

- 2 loại: + Hàng hoá vật thể

+ Hàng hoá phi vật thể

#### b. Hai thuộc tính của hàng hoá.

##### \*Giá trị sử dụng của hàng hoá

- Là công dụng của sản phẩm có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người.

- Một hàng hóa có thể có một hoặc nhiều giá trị sử dụng.

- Giá trị sử dụng được phát hiện dần cùng với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật.

##### \* Giá trị của hàng hoá

- Giá trị hàng hoá là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hoá.

- Giá trị của hàng hoá được biểu hiện thông qua giá trị trao đổi của nó.

### **2. Tiền tệ**

#### Các chức năng của tiền tệ

- Thước đo giá trị:

+ Tiền tệ được dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa.

+ Giá trị của hàng hóa được biểu hiện bằng một lượng tiền nhất định gọi là giá cả.

- Phương tiện lưu thông: Tiền tệ vận động theo công thức: H – T – H

- Phương tiện cất trữ: tiền rút khỏi lưu thông đi vào cất trữ, khi cần mang ra mua hàng. Tiền phải là tiền vàng.

- Phương tiện thanh toán: tiền tệ dùng để chi trả sau khi giao dịch, mua bán

- Tiền tệ thế giới:

+ Tiền tệ làm nhiệm vụ di chuyển của cải từ nước này sang nước khác.

+ Tiền phải là tiền vàng hoặc tiền được công nhận là phương tiện thanh toán quốc tế, tiền hành theo tỉ giá hối đoái.

### 3. Thị trường

#### a. Thị trường là gì?

- Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hoá.
- Các nhân tố cơ bản: hàng hoá, tiền tệ, người mua, người bán  
→ Hình thành các quan hệ: hàng hoá – tiền tệ; mua – bán; cung – cầu; giá cả hàng hoá.

#### b. Các chức năng cơ bản của thị trường

- Chức năng thực hiện (hay thừa nhận) giá trị sử dụng và giá trị của hàng hoá.
- + Trên thị trường, những hàng hoá nào thích hợp với nhu cầu, thị hiếu của xã hội thì bán được. → giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá được thực hiện.
- Chức năng thông tin: Về quy mô cung - cầu, giá cả, chất lượng, cơ cấu...  
→ người bán đưa ra các quyết định kịp thời nhằm thu nhiều lợi nhuận  
→ người mua sẽ điều chỉnh việc mua cho có lợi nhất.
- Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.  
+ Sự biến động của cung - cầu, giá cả trên thị trường đã điều tiết các yếu tố sản xuất từ ngành này sang ngành khác, luân chuyển hàng hoá từ nơi này sang nơi khác.  
+ Khi giá cả hàng hoá tăng sẽ kích thích sản xuất nhưng lại hạn chế người tiêu dùng và ngược lại.

### **BÀI 3: QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA**

#### **1. Nội dung quy luật giá trị**


##### a) Vai trò :

Là quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hoá

##### b) Nội dung

Việc sản xuất và trao đổi hàng hoá phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hoá.

##### c) Biểu hiện :

	<b>Trong sản xuất</b>	<b>Trong lưu thông</b>
Đối với 1 hàng hoá	$TGLĐCB < TGLĐXHCT$ -> Lãi cao $TGLĐCB = TGLĐXHCT$ -> Lãi trung bình $TGLĐCB > TGLĐXHCT$ -> Thua lỗ	 <p>Giá cả hàng hoá luôn vận động xoay quanh trục giá trị hàng hoá.</p>
Đối với tổng số hàng hoá	$\sum TGLĐCB < \sum TGLĐXHCT$ -> Thiếu hàng hoá $\sum TGLĐCB = \sum TGLĐXHCT$ -> Ổn định thị trường $\sum TGLĐCB > \sum TGLĐXHCT$ -> Thừa hàng hoá	Quy luật giá trị yêu cầu : Tổng giá cả hàng hoá sau khi bán = Tổng giá trị hàng hoá trong sản xuất

#### **2. Tác động của quy luật giá trị**

##### a) Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá

- Điều tiết sản xuất: Là sự phân phối lại các yếu tố tư liệu sản xuất và sức lao động từ ngành này sang ngành khác.
- Lưu thông hàng hoá: Phân phối nguồn hàng từ nơi này đến nơi khác.

##### b) Kích thích LLSX phát triển và năng suất lao động tăng

Muốn thu được nhiều lợi nhuận, người sản xuất kinh doanh phải phát triển LLSX bằng cách cải tiến kỹ thuật, nâng cao tay nghề của người lao động, làm cho giá trị cá biệt thấp hơn giá trị xã hội.

c) *Phân hóa giàu nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa*

## **BÀI 4: CẠNH TRANH TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA**

### **1. Cạnh tranh và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.**

#### **a. Khái niệm cạnh tranh**

- Cạnh tranh là sự **ganh đua, đấu tranh** giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất hàng hoá - kinh doanh nhằm **giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận.**

- Có hai loại cạnh tranh :

+ Lành mạnh

+ Không lành mạnh

#### **b. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh**

- Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập trong sản xuất - kinh doanh

- Do điều kiện sản xuất và lợi ích của mỗi chủ thể kinh tế khác nhau

#### **c. Mục đích của cạnh tranh**

- Nhằm giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác.

+ Giành nguồn nguyên liệu và các nguồn lực SX khác

+ Giành ưu thế về khoa học, công nghệ

+ Giành thị trường, nơi đầu tư các hợp đồng và các đơn đặt hàng.

+ Giành ưu thế về chất lượng, giá cả, phương thức thanh toán

### **2. Tính hai mặt của cạnh tranh**

#### **a. Mặt tích cực của cạnh tranh**

- Kích thích LLSX, KHKT phát triển và năng suất lao động XH tăng lên

- Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước

- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh

#### **b. Mặt tiêu cực của cạnh tranh**

- Môi trường, môi sinh suy thoái và mất cân bằng

- Không từ những thủ đoạn phi pháp, bất lương

- Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường

## **BÀI 5: CUNG CẦU TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA**

### **1. Khái niệm cung, cầu.**

#### **a. Khái niệm cầu.**

- Cầu là khối lượng hàng hoá, dịch vụ mà *người tiêu dùng cần mua* trong một thời kì nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định

#### **b. Khái niệm cung.**

- Cung là khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có *trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường* trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định.

### **2. Mối quan hệ cung - cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hoá.**

#### **a. Nội dung của quan hệ cung - cầu.**

- Quan hệ cung cầu là mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa người bán (người SX) với người mua ( người tiêu dùng) diễn ra trên thị trường để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ.

### **b. Biểu hiện của quan hệ cung cầu.**

- Cung - cầu tác động lẫn nhau.
- + Cầu tăng → SX mở rộng → cung tăng.
- + Cầu giảm → SX thu hẹp → cung giảm.
- Cung - cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường.
- + Cung = cầu → giá cả = giá trị
- + Cung > cầu → giá cả < giá trị
- + Cung < cầu → giá cả > giá trị
- Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung - cầu.
- + Giá cả tăng → cung tăng và cầu giảm.
- + Giá cả giảm → cung giảm và cầu tăng.

### **3. Vận dụng quan hệ cung - cầu**

- Đối với nhà nước: điều tiết các quan hệ cung cầu trên thị trường thông qua pháp luật và chính sách.
- Đối với người sản xuất kinh doanh: ra các quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất - kinh doanh ứng với các trường hợp cung cầu.
- Đối với người tiêu dùng: ra các quyết định mua hàng thích ứng với các trường hợp cung - cầu để có lợi

## **BÀI 6: CNH – HĐH ĐẤT NƯỚC**

### **1. Khái niệm CNH, HĐH; tính tất yếu khách quan và tác dụng của CNH, HĐH đất nước.**

#### **a. Khái niệm CNH, HĐH**

- CNH.- HĐH là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động KT và quản lí KT - XH từ sử dụng SLĐ thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến SLĐ cùng với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến, hiện đại nhằm tạo ra năng suất lao động XH cao

#### **b. Tính tất yếu khách quan của CNH, HĐH.**

- Do yêu cầu phải xây dựng cơ sở vật chất – Kỹ thuật cho CNXH.
- Do yêu cầu phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu xa về kinh tế, kĩ thuật và công nghệ.
- Do yêu cầu phải tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

#### **c. Tác dụng to lớn và toàn diện của CNH, HĐH.**

- Tạo tiền đề thúc đẩy tăng trưởng và phát triển KT – XH.
- Tạo tiền đề cho việc củng cố QHSX XHCN, tăng cường vai trò quản lí của Nhà nước và mối quan hệ giữa CN-ND-trí thức.
- Tạo tiền đề phát triển nền văn hoá mới tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Xây dựng nền KT độc lập, tự chủ gắn với chủ động hội nhập KTQT và tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh

### **2. Nội dung cơ bản của CNH, HĐH ở nước ta.**

#### **a. Phát triển mạnh mẽ LLSX**

- Cơ khí hoá nền sản xuất.
- Áp dụng thành tựu KH-CN hiện đại vào các ngành của nền kinh tế.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

#### **b. Xây dựng 1 cơ cấu kinh tế hợp lí, hiện đại và hiệu quả.**

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: lạc hậu, kém hiệu quả, bất hợp lí → hợp lí, hiện đại và hiệu quả.
- Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức.

## CHỦ ĐỀ: XÂY DỰNG CNXH (Bài 7 + Bài 8)

### 1. Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ

#### a. Khái niệm thành phần kinh tế.

- Thành phần kinh tế: là kiểu quan hệ kinh tế dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất.

#### b. Tính tất yếu khách quan của sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta.

- Trong thời kì quá độ chủ nghĩa xã hội của bất cứ nước nào cũng tồn tại nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần

- Nước ta đi lên CNXH từ 1 nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu → LLSX thấp kém, trình độ khác nhau nên hình thức sở hữu cũng khác nhau.

#### c. Các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay

TP KT	Khái niệm	Vai trò
KT Nhà nước	Là thành phần kinh tế dựa trên hình thức sở hữu Nhà nước về TLSX	Giữ vai trò chủ đạo, then chốt, là lực lượng vật chất quan trọng.
KT tập thể	Dựa trên hình thức sở hữu tập thể về TLSX.	Cùng với kinh tế nhà nước hợp thành nền tảng kinh tế quốc dân
KT cá thể tiểu chủ	Dựa trên hình thức sở hữu tư nhân về TLSX.	Vị trí quan trọng, phát huy nhanh tiềm năng về vốn, sức lao động, tay nghề;
KT tư bản tư nhân	Dựa trên hình thức sở hữu tư nhân về TLSX	Góp phần tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, phát triển kinh tế thị trường.
KT tư bản Nhà nước	Dựa trên hình thức sở hữu hỗn hợp về vốn giữa kinh tế nhà nước và tư bản	Là hình thức kinh tế trung gian, đóng góp không nhỏ cho nền kinh tế.
KT có vốn đầu tư nước ngoài	Dựa trên hình thức sở hữu vốn của nước ngoài.	Thúc đẩy kinh tế nước ta tăng trưởng và phát triển.

#### d. Trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần.

- Tin tưởng và chấp hành tốt chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần.

- Tham gia lao động sản xuất ở gia đình.

- Vận động người thân tham gia đầu tư vào sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức sản xuất, kinh doanh trong các ngành nghề mà pháp luật không cấm.

- Chủ động tìm kiếm việc làm trong các thành phần kinh tế.

### 2. Quá độ đi lên CNXH ở Việt Nam.

#### a. Tính tất yếu khách quan đi lên CNXH ở Việt Nam

##### \* Hai hình thức quá độ:

+ Quá độ trực tiếp: từ CNTB lên CNXH.

+ Quá độ gián tiếp: từ tiền TB lên CNXH.

- Ngay sau khi giành được độc lập, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn con đường đi lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN. Đây là sự lựa chọn đúng đắn, vì:

+ Chỉ có đi lên CNXH thì đất nước mới có độc lập thật sự.

+ Đi lên CNXH mới xóa bỏ được áp bức, bóc lột.

+ Đi lên CNXH mới có cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc.....

- Nước ta quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại.

\* Quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN có nghĩa là:

- Bỏ qua các hình thức áp bức bóc lột của giai cấp tư sản trong QHSX.

- Bỏ qua sự thống trị của giai cấp tư sản và hệ tư tưởng tư sản.

- Kế thừa những thành tựu mà CNTB đạt được: thành tựu về KHCN, về kinh tế...

**b. Những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam.**

- Là một XH dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.
- Do nhân dân làm chủ.
- KT phát triển cao, LLSX hiện đại, QHSX phù hợp với với sự phát triển của LLSX.
- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.
- Các dân tộc trong cộng đồng VN bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ nhau.
- Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo của ĐCS.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

**II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Trắc nghiệm		Tự luận
			Nhận biết	Thông hiểu	
1	Công dân với sự phát triển kinh tế	1. Công dân với sự phát triển kinh tế	2	1	0
2	Hàng hóa – Tiền tệ - Thị trường	2. Hàng hóa – Tiền tệ - Thị trường	2	3	2
3	Chủ đề: Các quy luật kinh tế cơ bản trong sản xuất và lưu thông hàng hóa	3. Quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa	1	1	
		4. Quy luật cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa	1	1	
		5. Quy luật cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa	2	2	
4	CNH – HĐH đất nước	6. CNH – HĐH đất nước	4	2	
5	Chủ đề: Xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần và quá độ đi lên CNXH ở Việt Nam	7. Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần	2	1	0
		8. Chủ nghĩa xã hội	2	1	0
<b>Tổng</b>			<b>16</b>	<b>12</b>	<b>2</b>

**III. ĐỀ MINH HỌA**

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Câu 1:** Kết cấu hạ tầng thuộc một trong các yếu tố nào sau đây của quá trình sản xuất?

- A. Đối tượng sản xuất.
- B. Tư liệu lao động.
- C. Môi trường tự nhiên.
- D. Đội ngũ nhân công.

**Câu 2:** Sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lí, tiến bộ và công bằng xã hội là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Phát triển kinh tế.
- B. Cơ chế thị trường.

C. Tư liệu sản xuất.

D. Trao đổi hàng hóa.

**Câu 3:** Hàng hóa có một trong những thuộc tính cơ bản nào sau đây?

A. Giá trị.

B. Bảo tồn.

C. Cá biệt.

D. Lưu trữ.

**Câu 4:** Tiền tệ **không** có chức năng nào sau đây?

A. Tiền tệ thế giới.

B. Phương tiện lưu thông.

C. Thước đo giá trị.

D. Chuyển đổi cơ cấu.

**Câu 5:** Theo quy luật giá trị, trên thị trường việc trao đổi hàng hóa phải dựa theo nguyên tắc nào sau đây?

A. Ngang giá.

B. Ngẫu nhiên.

C. Trung gian.

D. Độc lập.

**Câu 6:** Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Cầu.

B. Cung.

C. Cạnh tranh.

D. Thị trường.

**Câu 7:** Khối lượng hàng hóa, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kỳ nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Cung.

B. Cầu.

C. Tích lũy.

D. Đầu cơ.

**Câu 8:** Quan hệ cung - cầu là mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa những chủ thể nào sau đây?

A. Người mua và người bán.

B. Nội bộ người sản xuất.

C. Người tiêu dùng thông thái.

D. Đội ngũ các nhà đầu tư.

**Câu 9:** Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta thực hiện một trong những nội dung cơ bản nào sau đây?

A. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất.

B. Duy trì khoảng cách tụt hậu kinh tế.

C. Bảo tồn mọi phong tục vùng miền.

D. Thúc đẩy hiện tượng lạm phát.

**Câu 10:** Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất được thể hiện ở một trong những nội dung cơ bản nào sau đây của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta?

A. Xóa bỏ các hình thức cạnh tranh.

B. Xây dựng nền kinh tế tự nhiên.

C. Thực hiện cơ khí hóa nền sản xuất.

D. Chủ động thúc đẩy độc quyền.

**Câu 11:** Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta thể hiện ở nội dung cơ bản nào sau đây?

A. Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lí.

B. Sử dụng phổ biến lao động thủ công.

C. Xóa bỏ mọi loại cạnh tranh.

D. Từ chối tham gia hội nhập quốc tế.

**Câu 12:** Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lí trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta được thực hiện thông qua quá trình nào sau đây?

A. Kìm hãm cơ khí hóa nền sản xuất.

B. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

C. Duy trì nền kinh tế tự cung tự cấp.

D. Sử dụng lao động thủ công.

**Câu 13:** Thành phần kinh tế nào sau đây được hình thành dựa trên hình thức sở hữu nhà nước về tư liệu sản xuất?

A. Cá thể, tiểu chủ.

B. Tập thể.

C. Tư bản tư nhân.

D. Nhà nước.

**Câu 14:** Thành phần kinh tế là kiểu quan hệ kinh tế dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về

A. tư liệu sản xuất.

B. mức thuế thu nhập.



C. nguồn vốn ưu đãi.

D. tài sản thế chấp.

**Câu 15:** Một trong những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được thể hiện ở nội dung nào sau đây?

A. Duy trì quan hệ sản xuất cũ.

B. Do nhân dân lao động làm chủ.

C. Thúc đẩy lao động thủ công.

D. Tạo công bằng xã hội tuyệt đối.

**Câu 16:** Đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam **không** được thể hiện ở nội dung nào sau đây?

A. Xóa bỏ mọi phong tục tập quán.

B. Có nền kinh tế phát triển cao.

C. Quan hệ hợp tác với các nước.

D. Con người có cuộc sống ấm no.

**Câu 17:** Yếu tố nào sau đây giữ vai trò quan trọng nhất trong tư liệu lao động?

A. Công cụ sản xuất

B. Kết cấu hạ tầng.

C. Hệ thống bình chứa.

D. Mạng lưới giao thông.

**Câu 18:** Công dụng của sản phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người là thuộc tính nào sau đây của hàng hóa?

A. Giá trị trao đổi.

B. Giá trị cá biệt.

C. Giá trị sử dụng.

D. Giá trị xã hội.

**Câu 19:** Lao động xã hội của người sản xuất được kết tinh trong hàng hóa tạo cho hàng hóa có thuộc tính nào sau đây?

A. Độc lập.

B. Sử dụng.

C. Cá biệt.

D. Giá trị.

**Câu 20:** Sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người, chỉ trở thành hàng hóa khi được đi vào tiêu dùng thông qua quá trình nào sau đây?

A. Trao đổi, mua bán.

B. Cấp phát.

C. Tự cung, tự cấp.

D. Sử dụng.

**Câu 21:** Người sản xuất áp dụng các biện pháp đổi mới công nghệ là thực hiện tác động nào sau đây của quy luật giá trị?

A. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển.

B. Nâng cao thời gian lao động cá biệt.

C. Điều tiết lưu thông hàng hóa.

D. Thay đổi cơ cấu mặt hàng.

**Câu 22:** Cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa hình thành từ nguyên nhân nào sau đây?

A. Phân chia nguồn quỹ phúc lợi.

B. Tồn tại nhiều chủ sở hữu độc lập.

C. Thực hiện xóa đói giảm nghèo.

D. Hiện tượng khủng hoảng kinh tế.

**Câu 23:** Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi các nhà sản xuất thu hẹp sản xuất thì lượng cung sẽ biểu hiện theo xu hướng nào sau đây?

A. Giảm xuống.

B. Giữ nguyên.

C. Tăng dần.

D. Ổn định.

**Câu 24:** Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi giá cả giảm xuống thì cầu thường có xu hướng nào sau đây?

A. Ổn định.

B. Giữ nguyên.

C. Giảm xuống.

D. Tăng lên.

**Câu 25:** Việc áp dụng máy móc hiện đại trong sản xuất nông nghiệp là thực hiện nội dung cơ bản nào sau đây của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta?

A. San bằng mức thuế thu nhập.

B. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất.

C. Thực hiện công bằng xã hội.

D. Duy trì nền kinh tế tự cung, tự cấp.

**Câu 26:** Sử dụng công nghệ, phương tiện tiên tiến trong sản xuất là thực hiện nội dung cơ bản nào sau đây của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta?

A. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất.

B. Thúc đẩy phân hóa giàu nghèo.

C. Xóa bỏ hoàn toàn nền kinh tế thị trường.

D. Nâng cao tỉ lệ lạm phát.

**Câu 27:** Công dân thể hiện trách nhiệm đối với việc thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần thông qua việc làm nào sau đây?

- A. Khôi phục kinh tế tự nhiên.
- B. Xóa bỏ nền kinh tế thị trường.
- C. Tham gia sản xuất hàng giả.
- D. Chủ động tìm kiếm việc làm.

**Câu 28:** Nhà nước Việt Nam có chính sách giữ gìn, khôi phục các lễ hội truyền thống là thể hiện đặc trưng nào sau đây của chủ nghĩa xã hội?

- A. Có nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.
- B. Thực hiện mọi hình thức lễ nghi tôn giáo.
- C. Mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác.
- D. Ngăn chặn du nhập văn hóa nước ngoài.

### **PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1** (2 điểm):

Do thời tiết mưa đá xảy ra ở một số địa phương khiến nhiều ruộng rau xanh của người dân bị hỏng, làm khan hiếm nguồn cung dẫn đến giá cả tăng cao.

a. Là người tiêu dùng khi gặp hiện tượng này, để có lợi em sẽ vận dụng quan hệ cung - cầu như thế nào?

b. Người sản xuất cần vận dụng quan hệ cung- cầu như thế nào để thu được nhiều lợi nhuận?

**Câu 2** (1 điểm):

Vận dụng tác động của quy luật giá trị, em hãy giải thích tại sao trong xã hội lại có hiện tượng phân hóa giàu - nghèo giữa những người sản xuất, kinh doanh? Lấy một ví dụ minh họa?

-----Hết-----